

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP 1945

KẾT TINH GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI

THS NGUYỄN THỊ MINH

Trưởng Chính trị Long An

Ngày 2/9/1945 đã trở thành Ngày Quốc khánh của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam), ngày ra đời của Tuyên ngôn độc lập do lãnh tụ Hồ Chí Minh tuyên đọc - Văn bản pháp lý đầu tiên đặt nền tảng cho nước Việt Nam mới. Tuyên ngôn độc lập với nội dung cô đọng, súc tích đã kết tinh đầy đủ giá trị truyền thống và hiện đại, dân tộc và thời đại chỉ trong hơn 1000 từ.

Theo chiều dài lịch sử dân tộc Việt Nam, Tuyên ngôn độc lập 1945 là sự kế thừa, phát huy, nâng lên một tầm cao mới truyền thống kiên cường, bất khuất của dân tộc ta. Sự ra đời của Tuyên ngôn độc lập là một lẽ hoàn toàn tự nhiên, thể hiện tính đặc thù truyền thống rất Việt Nam, mà không phải bao giờ cũng lặp lại ở những bối cảnh khác, ở những đất nước khác.

Những năm đầu công nguyên, lịch sử dân tộc đã ghi nhận quyết tâm “đền nợ nước, trả thù nhà” của Hai Bà Trưng:

“Một xin rửa sạch nước thù
Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng”

Thế kỷ XI, Lý Thường Kiệt với bài thơ thần:

“Nam quốc sơn hà nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư”

Thế kỷ XIII, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn với Hịch tướng sĩ: “*Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa*”. Thế kỷ XVIII vang vọng lời thề của vua Quang Trung: “*Trong khoảng vũ trụ, trời nào sao nấy, đâu đã phân biệt rõ ràng, phải đánh cho đứt dài tóc, đánh cho đứt đen răng, đánh cho nó chích luân bất phản, đánh cho nó phiến giáp bất hoàn, đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ*”.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, Tuyên ngôn độc lập đã tiếp nối truyền thống hào hùng của dân tộc. Dù trong bối cảnh lịch sử mới, dù bọn có của nhiều, súng lắm, có một trình độ phát triển cao hơn nhiều, và chúng lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái từ phương trời Tây đến; trong gần 100 năm cai trị, chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học, chúng dùng chính sách ngu dân để kìm hãm trí tuệ dân ta, chúng ràng buộc dân ta với rượu cồn và thuốc phiện, hòng làm cho nòi giống ta suy nhược, chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong các bể máu, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến dân ta xơ xác, tiêu điều. Nhưng tinh thần quật cường, ý chí giành



lại độc lập, tự do của nhân dân ta vẫn không thui chột mà lại càng được tôi luyện mạnh mẽ hơn.

Tất cả những điều đó, phản ánh một tính cách rất đặc thù Việt Nam, thể hiện bản lĩnh của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, thể hiện lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần kiên cường, bất khuất, tinh đoàn kết, đồng tâm nhất trí vươn tới sự tự khẳng định với một lòng tự hào, tự tôn dân tộc. Chính đây là thứ giá trị tinh thần làm nên sức mạnh vật chất có sức cổ vũ, nuôi dưỡng các thế hệ người Việt Nam, dù trong hoàn cảnh nào cũng không đánh mất mình với tính cách là một dân tộc.

Mở đầu Tuyên ngôn độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn một câu của Tuyên ngôn độc lập 1776 của Mỹ và nhắc đến Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền 1791 của cách mạng Pháp. Nhưng không dừng lại ở đó, mà Người đã phát triển, nâng lên, cái ý cốt lõi, cái nguyên tắc cơ bản của hai bản tuyên ngôn, Người đã “suy rộng ra, ... Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”¹.

Sự suy rộng ra đó của Người là một bước phát triển mới, có ý nghĩa thực sự vĩ đại, nâng những lý tưởng truyền thống của thế kỷ XVIII lên ngang tầm những lý tưởng của thời đại mới: Thời đại giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa

thực dân trên phạm vi toàn thế giới, thời đại phá tan tàn xiềng xích của chủ nghĩa thực dân, thời đại của các dân tộc bị áp bức, bóc lột giành lại quyền sống, quyền độc lập, tự do bước lên vũ đài thế giới sánh vai cùng các cường quốc năm châu.

Tuyên ngôn độc lập kết thúc bằng lời khẳng định sâu sắc và mạnh mẽ có ý nghĩa như một lời thề: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”². Lời của lãnh tụ thể hiện quyết tâm của toàn thể dân tộc, ý thức rất rõ mối hiểm nguy, thách thức đang chờ, sẵn sàng chấp nhận hy sinh, mất mát để bảo vệ bằng được thành quả quý giá, lớn lao nhất vừa giành được: Quyền độc lập, tự do, quyền tồn tại của quốc gia dân tộc. Tuyên ngôn độc lập đã được nhân dân ta viết ra bằng máu, thể hiện nghị lực, quyết tâm giành và bảo vệ bằng được quyền sống trong độc lập, tự do của cả dân tộc. Trong tác phẩm Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, tác giả Trần Dân Tiên đã viết: “Bản Tuyên ngôn độc lập là kết quả của bao nhiêu máu đã đổ, bao nhiêu tính mệnh đã hy sinh của những người con anh dũng của Việt Nam trong nhà tù, trong trại tập trung, trong những hải đảo xa xôi, trên máy chém, trên chiến trường. Bản Tuyên ngôn độc lập là kết quả

của bao nhiêu hy vọng, gắng sức và tin tưởng của hơn hai mươi triệu nhân dân Việt Nam”³.

Thực hiện lời thề khảng định quyết tâm trong Tuyên ngôn độc lập, nhân dân Việt Nam đã đấu tranh lâu dài, gian khổ suốt 30 năm, chịu đựng biết bao hy sinh, mất mát, quyết giữ vững độc lập, tự do. Ngày nay, cũng với tinh thần ấy, Nhân dân Việt Nam quyết tâm bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, các hải đảo, vùng biển và vùng trời của Tổ quốc Việt Nam. Trong Hiến pháp của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2013 tiếp tục khẳng định điều này, có sửa đổi, bổ sung khảng định bản chất của chế độ ta: “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước dân chủ, độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời” (Điều 1).

Khi đã giành được độc lập, chính quyền đã về tay Nhân dân, thì các quyền con người, quyền của công dân phải được đảm bảo bằng một cơ chế thực hiện dân chủ. Cơ chế đó chính là bộ máy nhà nước đủ mạnh, thật sự dân chủ được lập ra thể theo nguyện vọng của Nhân dân và phục vụ Nhân dân. Tư tưởng về quyền tự do, dân chủ của bản Tuyên ngôn độc lập đã trở thành nguyên tắc hiến định của Nhà nước ta, và ngày càng đầy đủ, cụ thể hơn trong Hiến Pháp. Trong Hiến pháp 1980, chương này mới có 29 điều, đến Hiến pháp 1992 có 34 điều. Trong Hiến pháp 2013, chương về Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân có tới 38 điều (từ điều 15 đến Điều 52), có những điều giữ nguyên như trong Hiến pháp 1992, có những điều sửa đổi, bổ sung, có những điều hoàn toàn mới, như:

Điều 16:

1. Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác.

2. Không được lợi dụng quyền con người, quyền công dân để xâm phạm lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc, quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

Điều 21:

Mọi người có quyền sống.

Điều 44:

Mọi người có quyền hưởng thụ các giá trị văn

hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa, tiếp cận các giá trị văn hóa.

Điều 45:

Công dân có quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, tự do lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp.

Điều 46:

1. Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành.

2. Mọi người có nghĩa vụ bảo vệ môi trường.

Như vậy, ngay từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới ra đời, sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945, tư tưởng về quyền con người đã được quán triệt trong các chính sách, pháp luật của Nhà nước ta. Cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, vì độc lập, tự do của dân tộc cũng chính là để bảo vệ quyền con người. Hiến pháp 2013 khẳng định “quyền con người, quyền công dân được Nhà nước và xã hội thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”, nhằm khẳng định rõ thêm và bác bỏ những luận điệu thù địch xuyên tạc, vu cáo Việt Nam về vấn đề nhân quyền.

76 năm đã trôi qua, giá trị tư tưởng độc lập cho dân tộc, tự do, dân chủ, hạnh phúc cho nhân dân, quyền của con người, quyền công dân trong bản Tuyên ngôn độc lập vẫn còn nguyên giá trị. Ngày nay, trong bối cảnh cuộc đấu tranh của Nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới, Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta tiếp tục phấn đấu để xây dựng “*Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân*”, thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, cũng chính là thực hiện những tư tưởng lớn của Tuyên ngôn độc lập 1945.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 4, 1945-1946, CTQG, H, 2011, tr.1

² Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 4, 1945-1946, CTQG, H, 2011, tr.3

³ Trần Dân Tiên: Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, NXB Văn học, 1970, tr.116